

Vietnam Daily Review

VNIndex giảm nhẹ, tuy nhiên xuất hiện nhiều dấu hiệu tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/8/2020		•	
Tuần 17/8-21/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex giảm vào phiên sáng, có thời điểm giảm xuống mức 841 điểm, tuy nhiên lực cầu hồi phục ở phiên chiều đã kéo chỉ số tăng trở lại và đóng cửa tại mức 850.15 điểm. Dòng tiền đầu tư phân hóa và có sự suy giảm so với phiên cuối tuần trước, tuy có 10/19 nhóm ngành tăng điểm nhưng sự giảm mạnh ở các nhóm ngành như: Bán lẻ, Du lịch & Giải trí, Ô tô và Phụ tùng đã kéo chỉ số VNIndex giảm. Trong khi đó, khối ngoại đã tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX, tuy nhiên giá trị bán ròng có xu hướng giảm dần. Thanh khoản thị trường không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy thị trường đang khá cân trọng. Theo đánh giá của chúng tôi, việc các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm bán ròng, cùng với sự xuất hiện của nhiều tín hiệu kỹ thuật tích cực, nhiều khả năng VNIndex sẽ hồi phục trong những phiên tới và có thể tiến tới mức 860 điểm.

Hợp đồng tương lai: Hầu hết các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, trừ HĐTL VN30F2012 đóng cửa tăng nhẹ. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 782 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược_3.1%

Phân tích kỹ thuật: VTP_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **-0.59** điểm, đóng cửa **850.15**. HNX-Index **+0.98** điểm, đóng cửa **117.21**.
 - Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.32); TCB (+0.30); VIC (+0.29); HPG (+0.16); VNM (+0.15)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.34); VRE (-0.23); SAB (-0.22); HVN (-0.20); FPT (-0.18)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,386 tỷ đồng, -28.54%** so với phiên hôm trước.
 - Biên độ dao động là 10.43 điểm. Thị trường có **157** mã tăng, 57 mã tham chiếu và **229** mã giảm.
 - Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-83.51 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VHM (-33.8 tỷ), MSN (-16.5 tỷ) và VTP (-11.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.48 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **850.15**
Giá trị: 3386.11 tỷ **-0.59 (-0.07%)**
Khối ngoại (ròng): -83.51 tỷ

HNX-INDEX **117.21**
Giá trị: 467.76 tỷ **0.98 (0.84%)**
Khối ngoại (ròng): -9.48 tỷ

UPCOM-INDEX **56.86**
Giá trị: 335.94 tỷ **0.12 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -9.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	42.0	-0.02%
Giá vàng	1,952	0.35%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,496	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	21,770	0.13%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	31.94%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-0.80%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	8.0	VHM	-33.8
SAB	6.9	MSN	-16.5
VCB	6.5	VTP	-11.2
HDB	4.4	VRE	-10.0
BMP	2.0	PVS	-5.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược_3.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu ngành Dược	3.1%	3.1%	5.2%	12.3%	12.3%	2.9%	24.0%
Vật liệu Xây dựng	1.9%	1.9%	10.7%	7.6%	7.6%	5.1%	31.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.7%	0.7%	10.3%	12.3%	12.3%	13.1%	34.5%
Dầu khí	0.7%	0.7%	11.9%	1.4%	1.4%	-22.5%	42.9%
Chiến tranh thương mại	0.7%	0.7%	11.4%	7.1%	7.1%	-7.3%	33.5%
Đầu tư công	0.6%	0.6%	13.0%	9.7%	9.7%	3.5%	33.2%
Ngân Hàng	0.6%	0.6%	10.0%	6.9%	6.9%	-2.4%	36.9%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.2%	5.2%	3.3%	3.3%	-7.8%	27.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.1%	0.1%	6.5%	1.9%	1.9%	-9.4%	34.6%
Corona Avengers	0.1%	0.1%	10.9%	4.6%	4.6%	0.8%	39.9%
VN FinSelect	0.1%	0.1%	6.1%	1.3%	1.3%	-9.6%	32.7%
Xây dựng	0.1%	0.1%	11.8%	9.2%	9.2%	0.9%	33.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.1%	5.7%	3.7%	3.7%	-10.3%	27.8%
Stay-at-home	-0.1%	-0.1%	8.3%	4.1%	4.1%	8.8%	37.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	-0.1%	6.9%	5.5%	5.5%	-7.4%	31.2%
Lãi suất giảm	-0.2%	-0.2%	10.3%	6.2%	6.2%	2.9%	35.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	-0.2%	6.5%	1.4%	1.4%	-4.8%	33.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.2%	-0.2%	10.5%	9.3%	9.3%	-3.3%	27.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-0.3%	7.7%	5.2%	5.2%	-6.6%	30.2%
VN Diamond	-0.3%	-0.3%	6.7%	1.8%	1.8%	-16.3%	33.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	-0.4%	6.0%	2.6%	2.6%	4.9%	23.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	-0.4%	8.1%	4.1%	4.1%	-12.0%	32.9%
Nước & Năng lượng	-0.5%	-0.5%	7.0%	7.7%	7.7%	-3.1%	28.7%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	-0.5%	7.4%	2.5%	2.5%	-6.0%	32.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	-0.6%	8.5%	3.5%	3.5%	-16.9%	35.8%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	0.3%	0.3%	10.0%	6.0%	6.0%	-8.4%	30.9%
L32	0.2%	0.2%	8.6%	3.9%	3.9%	-16.1%	34.1%
L11	0.0%	0.0%	7.8%	4.0%	4.0%	-7.7%	27.4%
L22	-0.1%	-0.1%	9.5%	4.4%	4.4%	-11.4%	31.0%
M31	-0.2%	-0.2%	9.3%	5.5%	5.5%	-8.4%	34.0%
S11	-0.3%	-0.3%	7.8%	5.8%	5.8%	5.0%	28.8%
M12	-0.5%	-0.5%	7.6%	2.9%	2.9%	-8.3%	28.4%
M22	-0.5%	-0.5%	7.4%	4.1%	4.1%	-1.4%	28.8%
S32	-0.9%	-0.9%	8.2%	2.2%	2.2%	-17.2%	37.2%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.2%	-0.2%	7.2%	2.6%	2.6%	-11.0%	31.5%
LOW1	-0.3%	-0.3%	7.4%	1.9%	1.9%	-8.6%	28.7%
MID1	-0.4%	-0.4%	7.6%	6.5%	6.5%	2.8%	28.5%
INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-0.1%	6.5%	3.0%	3.0%	-11.5%	27.2%
VN30INDEX	-0.1%	-0.1%	6.9%	2.7%	2.7%	-10.0%	28.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	13	12	13	12	19	6
Mục tiêu	9	3	6	3	6	9	0
Rủi ro	3	0	3	0	3	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvu@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 17/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.94	-0.17%	0.00%	2.50%	-18.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.66	-0.31%	-0.70%	2.70%	-20.21%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.73	1.82%	3.10%	4.20%	-19.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1950.26	0.26%	-3.80%	8.50%	27.67%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	26.78	1.24%	-8.10%	39.80%	46.58%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	907.50	0.97%	3.90%	1.90%	-3.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	514.50	0.98%	3.00%	-4.90%	-0.19%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.89	0.56%	2.70%	-11.00%	16.18%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	165.85	0.57%	-1.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.11	0.08%	4.50%	11.20%	-0.23%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	115.85	-0.52%	0.50%	14.80%	5.61%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6366.50	1.77%	0.90%	-0.30%	10.84%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	550.63	1.09%	0.30%	3.50%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1746.00	-0.99%	-1.40%	3.70%	-2.57%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	120.19	0.46%	2.70%	13.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.60	0.35%	-5.00%	-9.50%	-24.51%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm -0.17% xuống 41.94 USD/thùng, trong khi dầu Brent giảm -0.31% xuống 44.66 USD/thùng. Căng thẳng Trung Quốc - Hoa Kỳ, tạo áp lực giảm đối với giá dầu. Trái lại, thông tin Trung Quốc khả năng mua thêm dầu WTI trong tháng 8-9 hạn chế đà giảm của giá dầu.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.26% lên 1,950.3 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.60% lên 1,961.50 USD/ounce. Vàng tăng trở lại khi đồng USD điều chỉnh giảm.

	17/8	% 17/8	14/8	% 14/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	850.15	-0.07%	850.74	-0.50%	0.82%	-3.04%
S&P 500			3372.85	-0.02%	0.64%	4.53%
HĐTL S&P500	3374.00	0.37%	3361.50	-0.19%	0.63%	5.62%
Shang- hai	3438.80	2.34%	3360.10	1.19%	1.76%	7.12%
Euro Stoxx	3310.11	0.15%	3305.05	-1.13%	1.55%	-1.64%

Phân tích kỹ thuật

VTP_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Đang tăng trên giá trị 50 và chưa tiến vào quá mua.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: VTP đang ở trong trạng thái tăng, đóng cửa tại 138.6 điểm. Thanh khoản của cổ phiếu có xu hướng tăng trong các phiên gần đây và đã tăng đột biến trong phiên hôm nay khi đã vượt lên giá trị trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, Chỉ báo MACD nằm trên đường tín hiệu, trong khi chỉ báo động lượng RSI chưa chạm ngưỡng quá mua, vì vậy VTP có thể kiểm tra ngưỡng kháng cự 145 trong những phiên tiếp theo. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VTP nằm ở khoảng 137.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 166.6, cắt lỗ nếu ngưỡng 131.6 bị xuyên thủng.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Về kế hoạch kinh doanh năm 2020 Doanh thu đạt 19,232 tỷ (+143% YoY) và LNST đạt 496 tỷ (+30% YoY). Trong đó, doanh thu chuyển phát dự kiến tăng 80% – 85% như quá khứ. Cơ cấu doanh thu tương ứng với cơ cấu lợi nhuận Với điều kiện dịch không quay trở lại vào Q3.2020, công ty tự tin 70 – 80% hoàn thành kế hoạch.

Cập nhật KQKD

Ảnh hưởng của dịch Covid – 19 đối với hoạt động kinh doanh của VTP: (i) Trong Q1.2020, tháng 3 khi đỉnh dịch tại Trung Quốc và Việt Nam mới chớm dịch, nguồn cung cho TMĐT từ Trung Quốc bị ảnh hưởng, tỷ lệ giảm là 10 – 15%. Đồng thời, doanh thu bán vé máy bay cũng giảm do cấm bay. (ii) Trong Q2.20, tháng 4 Việt Nam thực hiện giãn cách xã hội nhưng VTP vẫn làm việc bình thường (có quyết định từ Bộ TT TT). Sang tháng 5, trung bình doanh thu ngày đã đạt đến trung bình ngày của tháng 11 năm 2019. Nguồn cung hàng có hồi phục nhưng chưa quay lại mức ban đầu. Giao hàng bằng đường hàng không vẫn diễn ra bình thường (ký với 3 hãng hàng không – chưa dùng đến máy bay quân sự). Rủi ro dịch bệnh quay trở lại vào Q3.2020 vẫn tồn tại. (iii) Trong dịch, vận chuyển đồ ăn là tăng trưởng, các sản phẩm khác đều sụt giảm do thu nhập người dân giảm.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express VTP 2020Q2

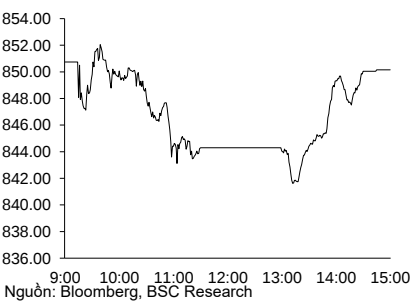
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Xây dựng và Vật liệu	1.33%
Truyền thông	1.04%
Viễn thông	0.96%
Y tế	0.95%
Tài nguyên Cơ bản	0.41%
Hóa chất	0.20%
Công nghệ Thông tin	0.19%
Ngân hàng	0.18%
Bất động sản	0.09%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.06%
Thực phẩm và đồ uống	-0.26%
Dịch vụ tài chính	-0.29%
Dầu khí	-0.34%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.43%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.59%
Bảo hiểm	-0.66%
Ô tô và phụ tùng	-0.96%
Du lịch và Giải trí	-0.98%
Bán lẻ	-0.98%

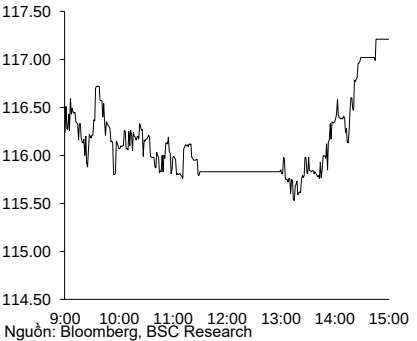
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

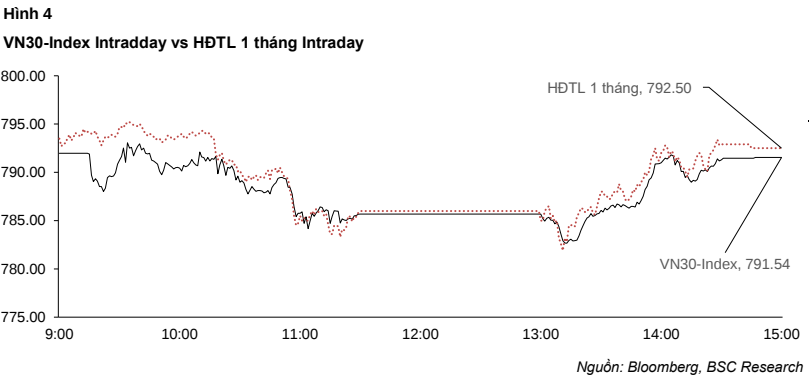
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	13.3	3	8.13%	Có thể tiếp tục mua
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	46.2	4	-0.86%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	72	5	1.12%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	25.4	30	24.5	25.8	6	1.57%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	42.6	7	-4.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	23.6	10	2.74%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.16	11	-1.45%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.1	13	4.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	80	14	14.12%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	32.4	18	4.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.3	19	21.19%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.15	47	-5.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	32.3	52	-4.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31	54	1.01%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.3	60	10.81%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.7	62	6.41%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	36.75	73	-1.21%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	6	6.96%	-2.93%	3.47%	27
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	792.50	-0.13%	0.96	4.0%	195,848	8/20/2020	5
VN30F2009	787.10	-0.49%	-4.44	55.4%	2,991	9/17/2020	33
VN30F2012	783.90	0.26%	-7.64	108.6%	146	12/17/2020	124
VN30F2103	782.00	-0.38%	-9.54	-95.0%	38	3/18/2021	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 0.44 điểm xuống mức 791.54 điểm. Các cổ phiếu vốn hóa lớn như như BID, VRE, SAB, HVN và FPT ảnh hưởng mạnh nhất đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm điểm trong phần lớn thời gian giao dịch, nhưng đã có dấu hiệu hồi phục trở lại về cuối phiên, và đóng cửa sát mốc tham chiếu. Trong ngắn hạn, xu hướng tăng của VN30 vẫn chưa bị phá vỡ, và nhiều khả năng sẽ giữ ở vùng này cho tới phiên đáo hạn phái sinh vào giữa tuần.
- Hầu hết các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, trừ HĐTL VN30F2012 đóng cửa tăng nhẹ. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐTL VN30F2103 thì tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, HĐTL VN30F2009 và VN30F2012 tăng nhẹ, trong khi hai hợp đồng còn lại giảm so với phiên trước đó. Điều này báo hiệu rằng các hợp đồng đang không thực sự nghiêng về một xu hướng cụ thể nào. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 782 điểm cho hợp đồng ngắn hạn VN30F2009.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2005	10/29/2020	73	10:1	101,370	33.64%	1,500	2,000	6.95%	1,659	1.21	118,000	103,000	117,000
CCTD2001	12/16/2020	121	10:1	176,210	57.61%	1,540	1,620	4.52%	1,070	1.51	96,288	80,888	80,000
CHDB2006	10/8/2020	52	2:1	329,580	41.36%	2,180	2,090	2.96%	1,797	1.16	29,060	24,700	27,600
CVNM2003	9/4/2020	18	10:1	244,560	33.64%	1,450	2,460	2.50%	2,322	1.06	107,280	92,780	117,000
CHPG2008	11/30/2020	105	1:1	147,420	38.59%	4,100	3,890	1.04%	875	4.45	32,100	28,000	24,300
CFPT2003	11/9/2020	84	3:1	24,410	33.12%	7,300	8,740	0.92%	1,981	4.41	57,300	50,000	47,000
CHPG2011	10/20/2020	64	2:1	333,620	38.59%	2,350	2,840	0.71%	633	4.49	29,900	25,200	24,300
CREE2004	10/23/2020	67	3:1	323,290	28.83%	1,570	2,170	0.00%	1,961	1.11	34,210	29,500	35,000
CHPG2002	12/16/2020	121	2:1	222,450	38.59%	1,700	1,880	0.00%	310	6.06	33,399	29,999	24,300
CVRE2007	4/5/2021	231	5:1	322,460	45.42%	1,520	680	-1.45%	382	1.78	40,933	33,333	26,500
CNVL2001	12/16/2020	121	3:1	121,140	17.49%	2,300	1,760	-2.22%	467	3.77	75,088	65,888	63,300
CVPB2007	10/29/2020	73	2:1	647,430	46.70%	1,700	750	-2.60%	681	1.10	25,900	22,500	21,300
CVHM2003	10/29/2020	73	10:1	158,050	38.71%	1,000	1,290	-3.73%	1,189	1.08	80,000	70,000	79,700
CVNM2004	11/30/2020	105	1:1	20,100	33.64%	17,500	11,630	-6.51%	8,693	1.34	133,973	116,473	117,000
CSTB2004	11/30/2020	105	1:1	431,040	43.31%	1,400	940	-6.93%	897	1.05	12,400	11,000	10,650
CMWG2009	10/23/2020	67	8:1	240,450	41.22%	1,600	870	-9.38%	777	1.12	94,800	82,000	82,200
CVHM2002	11/30/2020	105	1:1	88,590	38.71%	11,500	9,680	-9.70%	8,479	1.14	88,500	77,000	79,700
CVRE2006	10/29/2020	73	4:1	207,510	45.42%	1,100	1,150	-10.85%	1,094	1.05	27,400	23,000	26,500
CSTB2002	12/16/2020	121	1:1	207,760	43.31%	1,700	1,050	-12.50%	661	1.59	13,588	11,888	10,650
CMWG2008	10/29/2020	73	10:1	349,700	41.22%	1,300	590	-20.27%	516	1.14	98,000	85,000	82,200
Tổng				4,347,440	38.84%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CMWG2010 và CMWG2007 giảm mạnh lần lượt là -24.83% và -13.30%. Giá trị giao dịch giảm -27.42%. CHPG2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.33% thị trường.
- CVPB2006, CVRE2005, CVPB2008, CSTB2004, và CVRE2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.2	-1.1%	1.2	1,618	2.9	8,348	9.8	2.6	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	55.9	-1.1%	1.3	547	0.7	4,629	12.1	2.7	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.5	-0.8%	1.4	1,469	0.5	1,640	27.8	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	30.7	1.7%	0.4	298	0.0	2,651	11.6	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	87.7	0.3%	0.8	12,897	1.4	2,255	38.9	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.5	-1.3%	1.1	2,618	2.0	1,057	25.1	2.2	30.8%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.7	0.0%	1.3	11,399	3.8	6,784	11.7	3.8	20.1%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.4	-2.6%	1.4	213	2.3	1,672	5.6	0.7	38.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.5	-0.7%	1.3	379	2.4	1,718	8.4	0.9	49.0%	10.7%
VCI	Chứng khoán	21.7	-1.6%	1.0	155	0.2	4,110	5.3	0.9	28.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.7	-1.1%	1.7	235	1.1	1,608	11.0	1.3	51.0%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.0	0.4%	0.8	1,602	2.1	4,280	11.0	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	46.8	-1.3%	0.4	557	0.0	4,812	9.7	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.0	-0.4%	1.4	5,991	1.4	5,138	14.0	2.6	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	46.2	-0.9%	1.5	2,422	0.5	441	104.8	2.9	14.7%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.2	0.8%	1.5	254	1.8	1,301	9.4	0.5	11.7%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.4	1.6%	0.8	863	0.4	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	95.9	-0.1%	0.5	545	0.0	5,044	19.0	3.9	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.1	0.4%	0.4	239	0.9	1,586	8.9	0.7	10.9%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.6	-0.1%	0.5	198	0.4	709	12.1	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	82.3	0.4%	1.1	13,271	1.4	4,915	16.7	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	38.7	-0.8%	1.3	6,767	1.1	2,153	18.0	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	23.5	0.0%	1.2	3,804	2.9	2,995	7.8	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.3	-0.5%	1.2	2,258	2.4	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.1	-0.3%	1.0	1,793	2.9	3,497	4.9	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	25.8	2.0%	1.0	1,865	6.9	3,750	6.9	1.4	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	54.3	5.0%	0.9	193	0.9	5,760	9.4	1.7	82.5%	18.9%
NTP	Nhựa	28.8	-0.7%	0.4	148	0.1	3,348	8.6	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	2.0%	0.3	654	0.0	356	42.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.3	0.8%	1.2	3,501	8.8	2,632	9.2	1.5	35.7%	18.1%
HSG	Thép	11.4	1.3%	1.5	219	3.2	1,767	6.4	0.8	9.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	117.0	0.3%	0.8	8,858	4.6	5,538	21.1	6.8	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	183.8	-0.6%	0.8	5,125	0.7	6,328	29.0	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	53.0	-0.7%	1.0	2,694	2.5	3,255	16.3	2.7	38.8%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	13.9	0.0%	0.8	355	1.5	561	24.8	1.1	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	54.1	-0.9%	0.8	5,121	0.1	3,450	15.7	3.2	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	100.2	-0.4%	1.1	2,282	1.2	3,465	28.9	3.5	17.9%	12.4%
HVN	Vận tải	24.1	-2.0%	1.7	1,486	0.7	(3,853)	N/A	3.0	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	21.1	1.9%	0.9	272	0.6	1,377	15.3	1.0	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.8	1.9%	1.1	132	0.6	2,007	5.4	0.7	22.0%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.6	-0.7%	1.1	409	0.1	8,219	7.4	2.8	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.9	3.6%	0.8	426	0.7	1,362	16.0	1.5	10.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	1.8%	1.0	238	0.3	1,937	7.4	1.0	6.3%	13.5%
CTD	Xây dựng	80.0	1.9%	1.1	265	2.2	8,467	9.4	0.7	46.9%	7.9%
CII	Xây dựng	17.5	0.6%	0.3	181	0.5	1,615	10.8	0.8	36.3%	8.0%
REE	Điện	35.0	-0.8%	-1.4	472	0.4	4,780	7.3	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	18.5	-1.3%	-0.4	128	0.2	2,178	8.5	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	9.9	-1.3%	0.6	1,004	1.1	925	10.7	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	21.7	0.0%	0.6	272	0.1	2,685	8.1	1.4	18.5%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.5	0.7%	0.9	276	0.8	1,242	10.9	0.7	21.0%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	30.3	3.8%	0.9	1,364	0.1	2,332	13.0	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.30	0.37	0.32	389480
TCB	20.10	1.52	0.30	2.73MLN
VIC	87.70	0.34	0.29	376200.00
HPG	24.30	0.83	0.16	8.43MLN
VNM	117.00	0.26	0.15	906890

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-0.34	631010	1.11MLN
VRE	0.00	-0.23	1.72MLN	607060
SAB	0.00	-0.22	91080.00	373600
HVN	0.00	-0.20	658400.00	192700
FPT	0.00	-0.18	1.05MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STG	18.35	7.00	0.03	20020.00
DCL	20.65	6.99	0.02	69550
CEE	15.30	6.99	0.01	650
OGC	4.29	6.98	0.02	7.89MLN
VNL	17.65	6.97	0.00	10

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PET	8.25	-10.13	-0.02	831920
SGT	5.33	-6.98	-0.01	300
YBM	4.41	-6.96	0.00	17150.00
VPS	20.05	-6.96	-0.01	171100
DTT	13.40	-6.94	0.00	3010

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

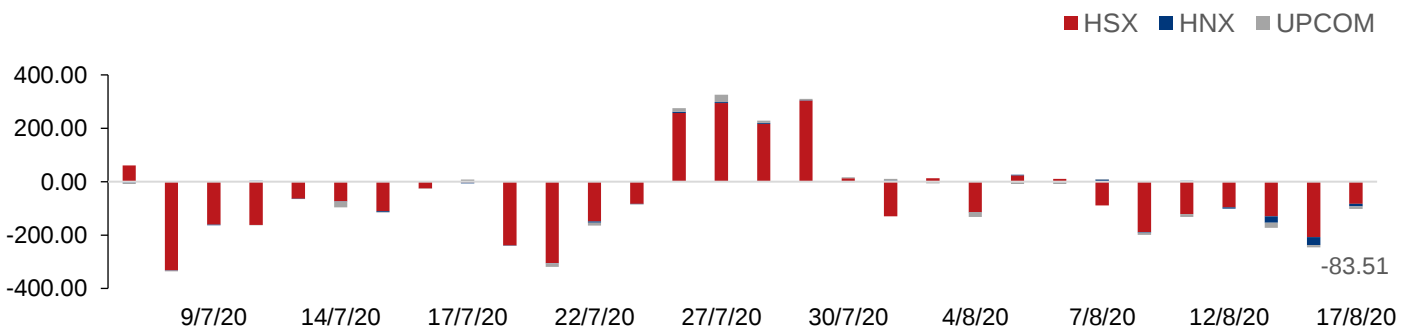
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.80	1.98	0.81	6.22MLN
VCG	30.20	4.14	0.08	475400.00
DHT	59.40	8.79	0.07	222300
HUT	2.30	9.52	0.05	5.94MLN
PLC	18.90	7.39	0.03	831300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	51.00	-5.03	-0.05	56500
PTI	16.50	-9.34	-0.04	600
S99	18.00	-3.74	-0.03	253400
VIF	17.00	-3.95	-0.03	400
SZB	28.00	-6.04	-0.03	100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAF	51.80	10.0	0.01	9700
DBT	15.50	9.9	0.01	145400
PGT	4.50	9.8	0.00	300
ADC	14.80	9.6	0.00	107300
BPC	11.50	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	112500
ACM	0.60	-14.29	-0.01	179200
BII	0.60	-14.29	0.00	140700
DC4	11.70	-10.00	-0.01	2600
TPP	12.00	-9.77	-0.01	1400

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.4	3,321	7.9	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	21.3	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.9	9,642	4.9	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	53.0	3,255	16.3	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	32.3	4,666	6.9	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.4	1,767	6.4	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	42.6	5,479	7.8	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.9	1,902	14.6	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.3	2,632	9.2	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	20.1	3,103	6.5	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	55.9	4,629	12.1	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	138.6	5,718	24.2	8.5	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.4	1,672	5.6	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	18.9	1,721	11.0	1.1	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	21.4	7,132	3.0	1.2	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	22.1	5,227	4.2	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	41.9	4,761	8.8	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.3	4,915	16.7	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.8	3,750	6.9	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	36.8	5,465	6.7	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.0	5,877	9.2	2.5	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	47.0	4,280	11.0	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	21.1	1,377	15.3	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.5	1,242	10.9	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	183.8	6,328	29.0	6.4	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	2,041	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	117.0	5,538	21.1	6.8	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.4	1,407	8.8	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	82.2	8,348	9.8	2.6	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	16.4	2,048	8.0	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	95.9	5,044	19.0	3.9	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	10.8	2,007	5.4	0.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	55.9	4,629	12.1	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.2	4,313	7.2	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	216.0	14,782	14.6	6.0	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/19	14.7	18.9	10.9	0	19.6	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/19	11.4	N/a	8.9	1,671	5.3	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/19	20.0	29.1	18.5	2,178	8.5	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/19	31.4	N/a	26.9	-218	#N/A N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/19	37.0	N/a	31.0	2,986	10.4	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
2	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
6	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
7	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
9	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
10	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
11	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
14	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
15	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
21	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
22	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
24	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
27	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
31	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
33	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
35	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
37	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
39	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	x		Click

BSC



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express KBC 2020Q2	6/29/20	

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn